TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
Dong Thap University Journal of Science
Chuyên san Khoa học Xã hội và Nhân văn
ISSN 0866-7675 | e-ISSN 2815-567X

DOI: https://doi.org/10.52714/dthu.sch.2165.1797

HÌNH TƯỢNG LỮ KHÁCH TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI THIÊN NHIÊN QUA THƠ CHỮ HÁN NGUYỄN ĐỀ

Nguyễn Hữu Rạng[1*] và Võ Thị Thu Hồng[1]

[1]Trường Trung học phổ thông Nam Kỳ Khởi Nghĩa, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

[*]Tác giả liên hệ, Email: ng.rang2000@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 11/02/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 20/03/2025; Ngày duyệt đăng: 13/5/2025

Tóm tắt

Nguyễn Đề không những được biết đến là nhân vật giữ vai trò khai mở cũng như mang lại vẻ vang cho truyền thống đi sứ của dòng họ Nguyễn Tiên Điền mà còn là nhà thơ sở hữu số lượng trước tác về đề tài sứ trình đồ sộ thời Tây Sơn. Đảm nhận nhiều trọng trách quan trọng trong bộ máy nội các triều đình nên từ sớm, ông đã gắn cuộc đời mình với kiếp sống tha hương, rong ruổi của lữ khách. Trên hành trình hoàng hoa vạn dặm, thiên nhiên là đối tượng xuất hiện phổ biến và có tác động mạnh đến tâm trạng lữ khách trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề. Song, các nghiên cứu về mối quan hệ giữa hình tượng lữ khách trong thơ ông với thiên nhiên từ trước đến nay vẫn chưa được khai thác cụ thể, hệ thống. Bằng các phương pháp nghiên cứu thi pháp, phân tích - tổng hợp, liên ngành văn học, văn hóa và hệ thống, bài viết khai thác những nỗi niềm lữ khách qua thơ ông khi đặt trong mối quan hệ với thiên nhiên. Kết quả nghiên cứu cho thấy khi đối diện trước thiên nhiên, tâm trạng và ý thức lữ khách trong thơ được thể hiện qua ba đặc điểm: (1). Niềm say mê và hứng khởi trước thiên nhiên tươi đẹp, lãng mạn - (2). Nỗi u buồn và cảm giác lạc lõng trước thiên nhiên u tối, mờ mịt - (3). Động thái từ bỏ nhu cầu thưởng thức thẩm mỹ trước thiên nhiên. Từ đó, nghiên cứu này góp phần làm rõ tài thơ văn cũng như đời sống nội tâm đa tình nhưng cũng lắm u buồn, cô độc của Nguyễn Đề nơi đất khách.

Từ khóa: *Hình tượng lữ khách, Nguyễn Đề, thiên nhiên, thơ chữ Hán.*

Trích dẫn: Nguyễn, H. R., & Võ T. T. H. Hình tượng lữ khách trong mối quan hệ với thiên nhiên qua thơ chữ Hán Nguyễn Đề. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, 15*(4), 24-39. https://doi.org/10.52714/dthu.sch.2165.1797

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

THE ARTISTIC IMAGE OF TRAVELER IN RELATIONSHIP WITH NATURE THROUGH SINITIC POETRY BY NGUYEN DE

Nguyen Huu Rang[1*] and Vo Thi Thu Hong[1]

[1]Nam Ky Khoi Nghia High School, Dong Thap Province, Vietnam

[*]Corresponding author, Email: ng.rang2000@gmail.com

Article history

Received: 11/02/2025; Received in revised form: 20/03/2025; Accepted: 13/5/2025

Abstract

Nguyen De is not only known as the pioneer who brought glory to the tradition of envoys of the Nguyen Tien Dien family, but also a poet with a large number of works on the topic of envoys during the Tay Son period. Taking on many important responsibilities in the royal cabinet, he soon associated his life with the wandering life of a traveler. On the journey of thousands of miles, nature is a common subject and has a strong impact on the mood of the traveler in his Sinitic poetry. However, studies on the relationship between the image of the traveler in his work and nature have not been specifically and systematically exploited. Using the methods of poetics, analysis - synthesis, interdisciplinary literature, culture and system research, the article exploits the feelings of the traveler through this work when placed in relation to nature. The research results show that when facing nature, the mood and consciousness of the traveler in poetry are expressed by three characteristics: (1). Passion and excitement before beautiful, romantic nature - (2). Sadness and feeling of being lost before dark, obscure nature - (3). The act of giving up the need to enjoy the aesthetics of nature. From there, this study contributes to clarifying the poetic talent as well as the passionate but also sad and lonely inner life of Nguyen De in a foreign land.

Keywords: *Art image of traveler, nature, Nguyen De, Sinitic poetry.*

1. Đặt vấn đề

Thực tiễn lịch sử Đại Việt qua các triều đại phong kiến đã chứng minh vai trò quan trọng, cốt yếu của việc duy trì tình bang giao với nước láng giềng phương Bắc (Trung Hoa). Điều này góp phần quy định nên tầm quan trọng và ý nghĩa to lớn của các sứ thần khi nhận lãnh trọng trách ngoại giao trước thiên tử: "Giữ trọng trách lớn của nước có ba: tướng võ, tướng văn và sứ thần. Trị hay loạn là ở tướng văn; thắng hay bại là ở tướng võ; vinh hay nhục là ở sứ thần" (Nguyễn, 1995, tr. 27). Có thể nói, những cuộc hành trình hoàng hoa vạn dặm chưa khi nào là dễ dàng đối với sứ thần phương Nam. Không chỉ gánh trên vai trách nhiệm to lớn của đất nước, các sứ thần còn thường xuyên trải qua nhiều hoàn cảnh cô độc, hiểm nguy với bao tâm trạng sầu muộn, bi thương nơi đất khách. Khi nỗi cô độc, sầu thương càng lúc càng trở nên mãnh liệt, liên tục tác động vào tâm can đêm ngày, người lữ khách trên đường hoàng hoa chỉ còn biết gửi tấc lòng vào thiên nhiên xung quanh. Như một kiểu quán tính truyền thống trong tâm lí hướng đến vũ trụ, trở về tự nhiên của con người phương Đông, càng bị thúc ép, dồn đẩy vào nỗi u sầu, cô quạnh, lữ khách lại càng mong mỏi, khao khát được tìm về với thiên nhiên và kết giao cùng cảnh vật. Thiên nhiên và lữ khách luôn tồn tại một mối quan hệ nhất định mà qua đó, người cô lữ có thể phần nào bộc bạch, giải tỏa nỗi niềm bản thân trong năm tháng phiêu bồng. Vì vậy, việc lựa chọn thiên nhiên như một đối tượng trung gian để qua đó có thể khai thác, đào sâu nỗi niềm lữ khách trong thơ văn trung đại là điều cần thiết.

Nguyễn Đề là một trong số những nhà thơ nổi danh trên thi đàn văn chương thời Tây Sơn đồng thời là nhân vật giữ vai trò khai mở và làm vẻ vang cho truyền thống đi sứ của dòng họ Nguyễn Tiên Điền: "...trong số các sứ thần Việt Nam đi sứ sang Trung Hoa thời trung đại, với sự mẫn cán về công vụ, sự nhạy bén về chính trị, sự uyên bác về tri thức và sự hào hoa, lịch lãm, Hoan Nam sứ giả Nguyễn Đề là người đã để lại trước tác nhiều nhất về các chuyến sứ trình của mình" (Phạm, 2017, tr. 69). Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu, bài viết khoa học liên quan đến những vấn đề trong thơ chữ Hán của ông nhìn chung đến nay vẫn còn hạn chế, ít hướng tiếp cận. Công trình luận văn *Đặc điểm nội dung và nghệ thuật thơ chữ Hán Nguyễn Đề* (2013) (Mai, 2013) của Mai Thành Tâm đã tập trung khai thác, làm rõ những nét độc đáo về nội dung sáng tác cũng như nghệ thuật trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề. Tuy nhiên, khu biệt vào nội dung bài viết này, công trình vẫn chưa tập trung khai thác sâu các đặc điểm tâm trạng của lữ khách khi đặt trong mối quan hệ với cảnh sắc thiên nhiên. Công trình luận văn *Đất nước và con người Trung Quốc qua thơ chữ Hán Nguyễn Đề* (2012) của Mai Thị Cẩm Giang bước đầu có nhắc đến một vài đặc điểm thiên nhiên đồng thời có ý thức khai thác tâm trạng lữ khách khi tiếp xúc trước cảnh vật phương Bắc (Mai, 2012). Song, vì chưa phải là đối tượng nghiên cứu chính của đề tài nên các đặc điểm trên nhìn chung vẫn dừng ở mức khái quát và mang ý nghĩa gợi dẫn hoặc dùng để liên hệ, làm rõ thêm cho các vấn đề nghiên cứu khác. Nhìn chung, đến hiện tại, chỉ mới có khoảng hai công trình luận văn tập trung nghiên cứu sâu, hệ thống về thơ chữ Hán Nguyễn Đề. Một số bài viết khoa học cũng ít nhiều đã khai thác, làm rõ thêm các đặc điểm nghệ thuật và tài năng thơ văn của Nguyễn Đề trên thi đàn văn học thời Tây Sơn, cụ thể: *Hoan Nam sứ giả Nguyễn Đề xướng họa cùng sứ thần Triều Tiên* (2017) của Phạm Quang Ái (Phạm, 2017), *Thơ đi sứ Nguyễn Đề: Hoàng hoa đường ấy biết bao nhiêu tình* (2019) của Lê Quang Trường (Lê, 2019), *Tính chất du kí trong thơ đi sứ Nguyễn Đề* (2023) của Phạm Thị Thúy Hằng (Phạm, 2023)... Tuy các bài viết trên có đề cập đến hình ảnh thiên nhiên cũng như nêu lên một vài nhận định khái quát về tâm trạng lữ khách trên chặng đường hoàng hoa phương Bắc nhưng vẫn chưa đi sâu cũng như chưa lí giải cụ thể từng đặc điểm tâm trạng, cách ứng xử của con người trước thiên nhiên, nhất là thiên nhiên mang sắc độ u tối, nhạt nhòa. Tác giả Nguyễn Hữu Rạng (Nguyễn, 2022) trong bài viết *Hình ảnh quan ải trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề và Nguyễn Du* (2022) bước đầu nêu lên một vài đặc điểm của thiên nhiên, chủ yếu là thiên nhiên mang vẻ ghê rợn, hùng vĩ, hiểm trở nơi quan ải. Tuy nhiên, các đặc điểm trên cũng chủ yếu xuất hiện ở một vài nhận định khái quát, ngắn gọn. Như vậy,

qua khảo sát, người viết nhận thấy đến hiện tại, vẫn chưa có một công trình nghiên cứu, bài viết khoa học nào bàn luận và khai thác cụ thể về vấn đề nỗi niềm lữ khách trong thơ chữ Hán của ông từ góc độ mối quan hệ với thiên nhiên. Có chăng, vấn đề này cũng chỉ bước đầu được nhắc đến dưới dạng các ý kiến, nhận định ngắn mang tính sơ lược trong một vài công trình luận văn, bài viết nghiên cứu. Đây cũng là cơ sở để bài viết lựa chọn triển khai rõ hơn vấn đề này nhằm giúp người đọc nhận ra những nỗi niềm, tâm tình của người xưa trước những tháng ngày phiêu bạt tha hương. Mục đích nghiên cứu chính của bài viết nhằm chỉ ra và làm rõ những đặc điểm tâm lí cũng như ý thức của lữ khách trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề khi đặt đối tượng trong quan hệ với thiên nhiên trên hành trình tha hương.

2. Phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu chính của bài viết là hình tượng lữ khách qua thơ chữ Hán Nguyễn Đề đặt trong mối quan hệ với thiên nhiên. Thiên nhiên trong thơ ông được thể hiện chủ yếu qua hai đặc điểm nổi bật. Đó là thiên nhiên mang vẻ tươi đẹp, lãng mạn và nhạt nhòa, u tối. Các sáng tác thơ chữ Hán của Nguyễn Đề được người viết lựa chọn, trích dịch từ hai công trình tuyển tập của nhóm tác giả do Nguyễn Thị Phượng chủ biên (Nguyễn, 1995) và Lê Quang Trường chủ biên (Lê, 2019).

Nhằm khai thác và làm rõ một số đặc điểm tâm trạng lữ khách trước cảnh sắc thiên nhiên trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề trên hành trình đi sứ phương Bắc từ đó giúp người đọc thấy được tài thơ văn cũng như miền nội tâm sâu kín ở tác giả, bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu:

Phương pháp nghiên cứu thi pháp: Phương pháp này được sử dụng để tìm hiểu, làm rõ một số quan niệm nghệ thuật của tác giả khi kiến tạo hình tượng lữ khách trong thơ qua mối quan hệ với thiên nhiên. Bên cạnh đó, phương pháp này còn được dùng nhằm chỉ ra cách thức mà Nguyễn Đề lựa chọn, sử dụng để xây dựng nên tâm trạng lữ khách khi giao cảm với thiên nhiên.

Phương pháp phân tích - tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng để làm rõ các đặc điểm tâm trạng cũng như tài năng nghệ thuật của Nguyễn Đề trong việc chuyển tải, khái quát những cảm xúc cá nhân vào từng sáng tác thơ sứ trình. Trên cơ sở phân tích các diễn biến tâm trạng của lữ khách, bài viết tiến hành tổng hợp từ đó nêu lên rõ những đặc điểm cơ bản của đối tượng này khi đặt trong mối quan hệ với ngoại cảnh thiên nhiên.

Hướng nghiên cứu liên ngành văn học, văn hóa, tôn giáo: Hướng nghiên cứu này được sử dụng nhằm huy động một số tri thức về văn hóa, tôn giáo (chủ yếu là Nho giáo) có liên quan nội dung bài viết như một cơ sở để người viết lí giải, làm rõ quá trình hình thành tâm trạng lữ khách khi đối diện trước thiên nhiên. Các tri thức liên ngành trong bài được sử dụng ở mức độ nhất định.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Niềm say mê và hứng khởi trước thiên nhiên tươi đẹp, lãng mạn của lữ khách

Giữa con người và thiên nhiên luôn tồn tại những kết nối siêu hình, có mối quan hệ chặt chẽ, tương giao trong vũ trụ: *"Thiên nhân tương hợp"*. Xét quan hệ của hình tượng lữ khách với thiên nhiên, có thể thấy trước hết, hình tượng lữ khách qua thơ chữ Hán Nguyễn Đề luôn biết cách quan sát, phóng chiếu cái nhìn tinh tường vào thiên nhiên mênh mông. Từ đó, con người có thể chiêm ngưỡng trọn vẹn vẻ đẹp đa sắc cùng sự phối kết hoàn hảo của cảnh vật. Sở dĩ có đặc điểm này bởi mối giao cảm đặc biệt giữa bản thể con người với thiên nhiên trong vũ trụ. Từ góc độ bản thể luận, con người cũng là một phần của tự nhiên. Bản thể con người được hình thành từ sự hợp nhất hoàn chỉnh của các yếu tố tự nhiên khác nhau trong vũ trụ đồng thời là hình ảnh phản chiếu các nguyên lí và quy luật vũ trụ: "Tự nhiên thời - không bảo bọc con

người và trong quá trình sống, giữa hai lực lượng này có lúc dung hợp, cũng có lúc phân li, song luôn luôn được quan tâm và được đặt trong một mối quan hệ khăng khít" (Trần, 2007, tr.5). Cụ thể hơn, bản thể tự nhiên của con người là sự mô phỏng hoàn hảo của vũ trụ. Vậy nên, các "tiểu vũ trụ" luôn khao khát hòa nhập bản thân vào đại vũ trụ mênh mông, vĩnh hằng: "Từ vân kết tựu chân như ngọc / Kiếp hỏa thiêu tàn sắc tướng không / Cổ điệp đăng lâm tâm đốn ngộ / Dục phi tích trượng trực thừa phong" (Mây lành kết lại như ngọc chân như / Lửa tam muội thiêu tàn không còn sắc tướng / Lên tường thành xưa, lòng chợt hiểu thấu / Muốn phi tích trượng cưỡi gió thẳng bay lên) *Đề Tương Sơn tự* (Lê, 2019, tr. 128-129); "Thân tại quảng hàn thần dục cử" (Thân mình như ở trong trăng, tinh thần như cất lên trời cao) *Hỗ giá phiếm long chu vu Viên Minh câu trung* (Lê, 2019, tr. 104). Giữa con người và vạn vật khác tồn tại trong vũ trụ, nhất là thiên nhiên xét về bản chất cùng là một thể theo nguyên tắc: "*Thiên địa vạn vật nhất thể*" (Trần, 2003, tr. 38). Vì vậy, như một sự thúc đẩy vô hình theo quán tính truyền thống của v+ăn hóa phương Đông, con người trung đại luôn có xu hướng tìm về hơn nữa thực hiện các cuộc kết giao với thiên nhiên. Hành trình lữ khách trở về với thiên nhiên; chiêm ngưỡng để rồi say mê và đắm chìm vào cảnh sắc huyền ảo, lung linh ẩn hiện trước mắt cũng là hành trình con người trở về với bản thể tự nhiên, tìm lại căn cơ của mình trong vũ trụ: "Văn đạo viện trung thiền tích cổ / Tá thùy nhất khấu nhận chân thân?" (Nghe nói trong thiền viện có dấu tích thiền xưa / Biết nhờ ai gõ một cái để mình nhận rõ chân thân) (Lê, 2019, tr. 61-62). Trên hành trình trở về ấy, nhiều đặc điểm thiên nhiên được lữ khách khám phá, miêu tả độc đáo, toàn diện; được quan sát dưới mọi chiều kích khác nhau trong vũ trụ. Mặt khác, khi đã bước chân vào kiếp sống phiêu bạt, việc tiếp xúc thường xuyên với môi trường tự nhiên, sống cùng thiên nhiên và chứng kiến liên tục sự đổi thay, biến ảo của nó trên dòng chảy thời gian tuần hoàn là điều hiển nhiên, quen thuộc ở lữ khách. Đôi lúc, lữ khách không cần chờ có dịp mới quan sát, chiêm ngưỡng thiên nhiên mà chủ động tìm đến đối tượng này trong trạng thái phấn khởi, say sưa như kẻ si tình được gặp lại người mình yêu sau bao tháng ngày ly biệt: "Thừa hứng khu y tầm thắng thưởng / Phi Vân đỉnh thượng khiếu nhàn vân" (Nhân khi có hứng, xốc áo đi tìm cảnh đẹp để thưởng ngoạn / Trên đỉnh Phi Vân gọi đám mây bay nhàn nhã) *Cát An vãn vọng* (Lê, 2019, tr. 281-282). Lữ khách tìm đến thiên nhiên nơi núi Hương Thành thuộc thành Cát An trước hết nhằm thỏa mãn nhu cầu thưởng thức thẩm mỹ qua việc chiêm ngưỡng cái đẹp đích thực ở đối tượng. Vì vậy, thiên nhiên dưới con mắt thẩm mỹ mang cảm quan sinh thái của lữ khách luôn hiện hữu sống động, đa sắc và đa diện trong sự tương chiếu với con người. Lữ khách trong thơ Nguyễn Đề thường xuyên thực hiện những cuộc kết giao với thiên nhiên từ đó nắm bắt rõ vẻ đẹp của cảnh vật trình hiện trước mắt với nhiều cách thức quan sát, miêu tả khác nhau.

Khả năng mở rộng không giới hạn tầm quan sát ở lữ khách dẫn đến hệ quả thiên nhiên hiện lên trước mắt trở nên rộng lớn, mênh mông và khó có thể xác định rõ điểm dừng sau cùng của cảnh vật. Núi sông hiện ra hùng vĩ, mênh mông; cỏ cây xuất hiện cũng không phải lẻ tẻ, từng cụm mà muôn nghìn bát ngát; đất và trời nối liền nhau thông suốt cùng mở ra xa thẳm:"Giang sơn không khoát nhãn sơ thu" (Tầm mắt vừa mới thu cảnh núi sông bát ngát) *Ký đồng hoài đệ Thanh Hiên Tố Như tử* (Nguyễn, 1995, tr. 48-49); "Thụ mộc thiên chương ngân hỗn độn / Càn khôn nhất khối ngọc linh lung" (Cỏ cây nghìn vẻ hỗn độn đầy ánh bạc / Đất trời một khối lung linh như ngọc) *Tuyết* (Nguyễn, 1995, tr.71); "Quần phong hợp đới thủy phân kỳ" (Núi non liền một dải, sông nước rẽ làm hai) *Đăng thành hiểu vọng* (Lê, 2019, tr. 218-219); "Càn khôn khoáng mạc ngâm mâu khoát" (Phóng tầm mắt nhìn trời đất mênh mông) *Thanh Viễn vãn bạc* (Lê, 2019, tr. 245)... Đứng trước thiên nhiên mênh mông, hùng vĩ, tầm quan sát của lữ khách cũng mở rộng tối đa như không muốn bỏ lỡ hay để sót bất kỳ vẻ đẹp nào của tự nhiên khi phô bày. Không những được mở rộng vô hạn, tầm quan sát thiên nhiên của lữ khách còn trở nên linh hoạt, biết phóng chiếu cái nhìn ra xa hoặc hướng lên cao ngang tầm với đối tượng để thu về mọi vẻ đẹp cảnh vật. Người đọc khó có thể xác định chính xác

hoặc nhận ra bất kỳ điểm giới hạn nào trong khi lữ khách quan sát, miêu tả thiên nhiên. Quả thật, lữ khách trong thơ khi quan sát thiên nhiên không chỉ dừng ở cái nhìn vật lí thông thường của tầm mắt. Bởi điều này có khả năng tạo ra các điểm giới hạn đồng thời thu hẹp khả năng quan sát của con người. Cách thức quan sát thiên nhiên của lữ khách là sự kết hợp hài hòa giữa cái nhìn vật lí thông thường ở con người với sự cảm nhận thiên nhiên bằng đôi mắt tâm hồn dưới tác động thúc đẩy của cái tôi khao khát chiêm ngưỡng, hòa nhập bản thể vào vũ trụ. Vì vậy, mọi giới hạn từ các chiều kích không gian khi lữ khách quan sát đều được tháo gỡ qua đó giúp tầm nhìn con người trở nên thông suốt và nắm bắt trọn vẹn vẻ đẹp cảnh vật: "Không khoát càn khôn phóng nhãn xa" (Bao la trời đất phóng tầm mắt nhìn xa) *Tịch dương sơn hành tức cảnh* (Nguyễn, 1995, tr. 37-38).

Ngoài ra, vì tầm quan sát của lữ khách được mở rộng vô hạn nên thiên nhiên trong thơ hiện lên với rất nhiều vẻ đẹp hơn nữa là vô số sắc màu trước mắt con người. Nếu không biết cách kiểm soát sự trình hiện của cảnh vật sẽ khiến bức họa thiên nhiên trở nên lộn xộn, rối rắm và mất đi vẻ đẹp ban đầu. Nhưng cảnh vật dưới tầm mắt quan sát của lữ khách được xếp đặt hài hòa theo một trật tự nhất định. Cảnh vật hiện lên trong thơ không lấn át, xô lệch mà được kiểm soát theo hướng cảnh nào ra cảnh ấy và giữa chúng được kết nối với nhau liền mạch theo trật tự: "Bình phân nguyệt sắc thủy thiên tề" (Ánh trăng soi sáng, trời nước chia đều) *Ngô Châu vãn bạc* (Lê, 2019, tr. 148-149). Dưới góc độ mỹ học truyền thống phương Đông, thiên nhiên trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề qua con mắt thẩm mỹ của lữ khách mang vẻ đẹp nằm trong những kích thước và trật tự nhất định. Việc lữ khách mở rộng biên độ quan sát không phải để chiêm ngưỡng những vẻ đẹp lộn xộn mà nhằm thấy rõ hơn sự đa dạng và những kết hợp hài hòa, theo trật tự của cảnh vật trong tự nhiên. Mặt khác, việc mở rộng cái nhìn của lữ khách khi quan sát thiên nhiên đã phản ánh khao khát hòa nhập cái tôi (tiểu ngã) của bản thân vào giữa cái đại ngã vô cùng của vũ trụ, phá bỏ giới hạn chiều kích vật lí thông thường nhằm vươn đến không gian bao la: "Đáo xứ tự gia tư khiển hứng / Thử sinh liệu đắc kỷ thanh du" (Khắp chốn riêng mình tha hồ tiêu khiển / Kiếp này phỏng được mấy lần lãng du) *Tân Ninh châu tiểu khê tức cảnh* (Nguyễn, 1995, tr. 217-218).

Như trên đã nói, lữ khách luôn có cái nhìn tinh tường khi quan sát, chiêm ngưỡng vẻ đẹp thiên nhiên. Điều này không những được thể hiện qua việc mở rộng tối đa tầm mắt mà còn ở khả năng quan sát thiên nhiên một cách xuyên suốt, liền mạch không bị đứt gãy về điểm nhìn ở lữ khách. Khi quan sát thiên nhiên mênh mông, cái nhìn của lữ khách trong thơ Nguyễn Đề thường dịch chuyển xuyên suốt theo cảnh vật và không bị gián đoạn cục bộ ở bất kỳ điểm nào. Vì vậy, cảnh vật hiện lên trong thơ luôn có xu hướng mở rộng vô hạn và không bị đứt gãy hay gián đoạn. Nói cách khác, vẻ đẹp thiên nhiên hiện lên xuyên suốt song hành với chiều dịch chuyển của tầm mắt con người. Mặt khác, lữ khách không nhìn thiên nhiên một cách thoáng qua, sơ sài mà luôn có ý thức quan sát chi tiết, kỹ lưỡng. Mọi cảnh vật thiên nhiên đều được lữ khách quan sát và miêu tả trọn vẹn, tỉ mỉ: "Ngạn lưu ngân tuyết liên thiên viễn / Ba lộng kim xà nhất vọng trường" (Trên bờ còn đọng tuyết bạc như nối liền đến chân trời / Sóng lăn tăn như con rắn vàng dài dằng dặc) *Nguyệt dạ độ Tương Đàm* (Lê, 2019, tr. 74-75). Xu hướng mở rộng tầm nhìn khi quan sát cảnh đêm trăng trên sông Tương thuộc huyện Tương Đàm (Hồ Nam) - nơi đoàn sứ bộ dừng lại nghỉ trọ, được lữ khách thể hiện rõ trong câu thơ. Lữ khách quan sát vẻ đẹp trắng bạc của tuyết còn đọng bên bờ sông sau những ngày đông giá rét với cái nhìn hiện lên một cách xuyên suốt theo chiều dài mặt sông. Cảnh vật được mở rộng tối đa khiến người đọc không thể tìm thấy hay nhận ra bất kỳ dấu hiệu nào của điểm dừng. Khoảng cách giữa bờ sông nơi sắc bạc của tuyết còn bao phủ với chân trời phía xa thẳm không có bất kỳ điểm giới hạn nào. Tất cả được nối lại liền mạch, xuyên suốt: "Ngạn lưu ngân tuyết liên thiên viễn" (Lê, 2019, tr. 74). Trên nền trời đêm lung linh, lữ khách phóng tầm mắt xuyên suốt và song hành với sự trình hiện của thiên nhiên mà không bị đứt gãy, gián đoạn ở bất kỳ điểm dừng nào trong quá trình quan sát: "Ba lộng kim xà nhất vọng trường" (Lê, 2019, tr. 74).

Vẻ đẹp của sóng nước phản chiếu sắc trăng bên dưới cũng được lữ khách quan sát theo cách thức tương tự. Đó là phóng tầm mắt ra xa, di chuyển điểm nhìn dọc theo thiên nhiên. Gợn sóng dịch chuyển nhẹ nhàng trên mặt sông và phản chiếu sắc trăng óng vàng trên cao khiến đối tượng trở nên lung linh chẳng khác con rắn vàng hiện trên mặt nước nối liền với chân trời phía xa. Cách thức quan sát tự nhiên không giới hạn ở tầm nhìn mà luôn trải rộng theo cảnh vật kết hợp cái nhìn xuyên suốt, liên tục khiến thiên nhiên trong đêm càng trở nên mênh mông, đa sắc. Mặc dù không được nhắc đến trực tiếp nhưng người đọc dễ nhận ra trạng thái say mê, chăm chú quan sát và bị cuốn hút trước vẻ đẹp thiên nhiên ở lữ khách. Mọi sắc độ cũng như các chiều kích hiện hữu của cảnh đều được lữ khách miêu tả hài hòa và đầy tính thẩm mỹ.

Qua khảo sát các bài thơ chữ Hán miêu tả thiên nhiên của Nguyễn Đề, có thể thấy cách thức miêu tả vẻ đẹp cảnh vật như trên xuất hiện khá phổ biến trên hành tha hương của lữ khách. Không chỉ mở rộng tầm quan sát cảnh vật theo chiều rộng, lữ khách đôi lúc còn miêu tả đối tượng theo chiều cao và chiều sâu tạo nên tính liên hoàn cũng như sự linh hoạt trong cách nhìn: "Quang dao tuyết lĩnh thiên đồi ngọc / Ảnh xạ băng hà nhất đới kim" (Ánh trăng lung linh, núi tuyết như ngàn đồi ngọc / Bóng trăng soi rọi sông băng thành một đai vàng) *Đông tiêu thưởng nguyệt ký tâm hữu Đoàn Hải Ông* (Nguyễn, 1995, tr. 50-51). Vẻ đẹp lung linh của trăng đêm cũng như sắc trắng của tuyết trên đỉnh núi được lữ khách quan sát bằng cái nhìn theo chiều cao của vũ trụ. Sự mở rộng vô hạn của tầm quan sát khiến lữ khách có thể bao quát trọn vẹn các sắc độ cảnh vật từ mặt đất lên cao và ra xa: "Quang dao tuyết lĩnh thiên đồi ngọc" (Nguyễn, 1995, tr. 50). Vẻ lung linh, huyền ảo của trăng đêm cùng sắc trắng như ngọc của tuyết trên đỉnh núi sừng sững giữa trời đất mênh mông khiến bức họa thiên nhiên không chỉ hiện lên đa sắc, rực rỡ mà còn đầy đủ mọi chiều kích. Như trên đã nói, khi quan sát cảnh vật, lữ khách không dừng lại ở bất kỳ đối tượng nào mà luôn hướng đến quan sát trọn vẹn tất cả. Khả năng quan sát trọn vẹn ở đây không hẳn chỉ là thu gom mọi cảnh trước mắt đặt vào một khung tranh mà còn là việc nhận ra những chiều kích tồn tại khác nhau của thiên nhiên. Bởi giữa các sự vật tự nhiên không tồn tại độc lập, rời rạc mà luôn có quan hệ tương chiếu, hòa hợp lẫn nhau. Ánh trăng không những được quan sát theo chiều cao trong sự tương chiếu với núi tuyết bên cạnh mà còn được miêu tả qua chiều sâu trong quan hệ với sông băng bên dưới: "Ảnh xạ băng hà nhất đới kim" (Nguyễn, 1995, tr. 50). Có thể thấy, cùng một đối tượng thiên nhiên là trăng đêm nhưng lữ khách luôn biết cách khai thác vẻ đẹp của sự vật qua nhiều chiều kích khác nhau và đặt đối tượng trong những hệ quy chiếu tương ứng. Sự kết hợp liên hoàn các chiều kích khác nhau khi miêu tả vẻ đẹp thiên nhiên đã giúp cho bức họa trời đêm trở nên lung linh, biến ảo lạ mắt. Ngoài ra, việc lặp lại thường xuyên cách quan sát, miêu tả thiên nhiên theo kiểu mở rộng vô hạn các chiều kích không gian của cảnh vật đã tạo nên một cảm thức nghệ thuật độc đáo trong thơ Nguyễn Đề. Để dễ hình dung, người viết tạm định danh đó là cảm thức "mở rộng (nới rộng)" tầm quan sát khi miêu tả vẻ đẹp thiên nhiên của lữ khách: "Vạn khoảnh uông dương nhất vọng bình [...] / Nguyên phân túc hải thiên tân viễn" (Một dải sông bằng phẳng trải vạn khoảnh nước mênh mông [...] / Nguồn nước chia cho biển cả, chảy dài đến bến trời) *Hoàng Hà hiểu độ* (Lê, 2019, tr. 92-93); "Yên tiếp vân căn lung viễn phố" (Khói nối liền với chân mây phủ dài đến bến sông xa) *Hô Đà hoài cổ* (Lê, 2019, tr. 107-108); "Hàn ba phách ngạn thủy du du" (Sóng lành lạnh vỗ bờ, nước chảy mênh mang) *Để Thương Ngô hoài cổ* (Lê, 2019, tr. 150-151); "Cách lưu thảo mật bích phô nhân" (Cách dòng nước, cỏ dày trải thành chiếc chiếu biếc) *Bình Nam tức cảnh* (Lê, 2019, tr. 156-157)... Ngoài ra, một dấu hiệu khác trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề biểu hiện cho sự xuất hiện cảm thức "mở rộng (nới rộng)" tầm quan sát thiên nhiên là hình ảnh cái tôi say mê, đa tình trước vẻ đẹp huyền diệu của cảnh trăng đêm. Trên hành trình rời xa quê hương đi sứ, lữ khách từng thổ lộ tiếng lòng: "Ngã tính bản lai thiên ái nguyệt" (Tính của ta vốn dĩ rất mực yêu cảnh trăng) *Nguyệt dạ độ Tương Đàm* (Lê, 2019, tr. 74-75). Lữ khách xem trăng không đơn thuần chỉ là đối tượng khách quan để chiêm ngưỡng mà xem như bằng hữu tri kỉ hơn nữa là tình nhân trong tâm hồn đa tình của

kẻ du lãm: "Tri kỷ duy dư giang thượng nguyệt" (Chỉ còn mỗi vầng trăng trên sông làm bạn tri kỷ) *Hoành Châu giang thứ hữu hoài* (Nguyễn, 1995, tr. 223-224). Sắc trăng cùng vẻ đẹp huyền diệu, lung linh luôn xuất hiện thường xuyên trên hành trình tha hương của lữ khách. Ánh trăng soi chiếu tâm hồn người cô lữ trong đêm thâu tịch mịch: "Nguyệt sắc phù hoa biện / Doanh song đạm hựu hoàng" (Ánh trăng như nổi lên cánh hoa / Đầy song cửa sổ hương nhạt và sắc vàng) *Vịnh Yển Thành lạp mai* (Lê, 2019, tr. 90-91); "Thương mang hàn nguyệt lâm Tô thủy" (Trăng lạnh man mác soi dòng sông Tô) *Tịch thứ Chi Ngãi dịch vãn Lạng Sơn hiệp trấn Tô Xuyên hầu* (Nguyễn, 1995, tr. 41)... Niềm yêu thích vẻ đẹp của trăng đêm ở lữ khách là tín hiệu cho thấy con người có xu hướng tìm đến những khoảng không rộng mở và không bị giới hạn bởi các chiều kích địa lí thông thường. Lữ khách yêu trăng cũng đồng nghĩa con người có khuynh hướng say mê trước cảnh đêm hay không gian đêm để tìm đến cùng trăng. Đêm lại là dạng thức không gian với đặc trưng có thể mở rộng tối đa các chiều kích đồng thời chứa đựng bên trong cái mênh mông, thoáng đãng hơn không gian ban ngày[①]. Vì vậy, việc yêu thích cảnh trăng hay hướng đến không gian đêm là tín hiệu cho thấy sự hiện hữu của cảm thức "mở rộng" ở lữ khách trong thơ ông.

Ngoài ra, như trên đã nói, lữ khách vốn có tình yêu sâu đậm cũng có thể xem là thủy chung nhất mực với thiên nhiên như kẻ si tình chìm đắm trong men say ngọt ngào của tình yêu đôi lứa: "Nghĩ thuyền dao miện yêu kiều ảnh / Hoảng nhược giai nhân tại mục tiền" (Chống thuyền nhìn xa thấy bóng yêu kiều / Ngỡ ngàng như người đẹp ngay trước mắt) *Hiền Nữ phố tịch bạc* (Nguyễn, 1995, tr. 258). Tình yêu thiên nhiên của lữ khách không chỉ dừng ở việc quan sát, chiêm ngưỡng các đối tượng tự nhiên một cách đơn điệu như bao kẻ khác, càng không phải chỉ để thỏa nhu cầu thưởng thức thẩm mỹ, ước muốn sở hữu cái đẹp theo hướng áp đặt. Tâm hồn say mê, cái tôi đa tình trước thiên nhiên ở lữ khách trong thơ Nguyễn Đề dựa trên ý thức hiểu biết và thấu cảm lẫn nhau giữa con người với thế giới tự nhiên muôn sắc: "Đáo xứ tự gia tư khiển hứng / Thử sinh liệu đắc kỷ thanh du" (Khắp chốn riêng mình ta tha hồ tiêu khiển / Kiếp này phỏng được mấy lần lãng du) *Tân Ninh châu tiểu khê tức cảnh* (Nguyễn, 1995, tr. 217-218). Qua kết nối hoàn chỉnh giữa các sự vật trong tự nhiên khi trình hiện, thiên nhiên có thể tương tác bằng cách sẻ chia, giao cảm với tâm hồn lữ khách từ đó giải tỏa phần nào cõi lòng ngổn ngang, u uất của con người ở thực tại. Thiên nhiên và lữ khách trong thơ không chỉ tồn tại một quan hệ thuần túy giữa khách thể chiêm ngưỡng với chủ thể trình hiện mà còn là sự thấu cảm, hiểu biết về nhau như hai kẻ tri âm tâm giao. Tâm hồn cô lữ như tìm lại được nguồn sống mỗi khi giao hòa thiên nhiên: "Thương thiên định giải chinh phu ý / Vị phóng tình quang noãn sứ trình" (Dường như trời xanh hiểu được ý của người đi xa / Nên làm trời quang nắng hửng sưởi ấm sứ trình) *Hỷ tình* (Lê, 2019, tr. 70-71). Kiếp đời long đong, phiêu bạt của phận lữ khách lắm lúc khiến con người bị vứt bỏ xót xa khỏi những mối quan hệ, giao tiếp với tha nhân và trở về đối diện cái tôi cô độc: "Mệnh bạc nan cầu quân tướng tạc / Sầu thâm dị động quỷ thần liên" (Mệnh bạc khó nhờ sự tạo thành của quân tướng / Sầu quá dễ động lòng thương của quỷ thần) *Bệnh trung tự thán II* (Nguyễn, 1995, tr. 153). Những lúc như vậy, lữ khách tìm thấy nguồn vui sống cho bản thân khi hòa hợp vào thiên nhiên, thiết lập kết nối với cảnh vật trước mắt. Trong môi trường thiên nhiên, lữ khách không dùng ngôn ngữ như một công cụ nhằm biểu thị suy nghĩ, không dùng lời nói thông thường để thổ lộ cảm xúc cá nhân. Lữ khách chỉ dùng những rung cảm từ tâm hồn như một phương tiện hữu hiệu để giao tiếp với thiên nhiên: "Cử thủ bất tu minh nguyệt ảnh / Giang sơn đối ngã diệc tam nhân" (Tay nâng chén không cần có bóng trăng sáng / Núi, sông với ta cũng đủ ba người) *Chu trung độc chước* (Lê, 2019, tr. 136-137). Giữa lữ khách với thiên nhiên luôn tồn tại mối giao cảm đặc biệt. "Thiên nhân tương cảm" được hình thành chủ yếu từ "trực cảm tâm linh" ở con người. Mối tương giao này một mặt phản ánh cái tôi luôn khao khát hướng đến thiên nhiên, tìm kiếm sự giao hòa với vũ trụ, mặt khác thể hiện rõ tâm thức truyền thống - trở về bản thể tự nhiên, hòa nhập tiểu ngã (bản thân) vào đại ngã (vũ trụ), theo mạch nguồn tư tưởng Nho

học ở phương Đông: "Trong khoảng trời đất tuy có chia ra vạn vật, nhưng vật nào cũng như tứ chi bách thể của mình cả. Đã là tứ chi bách thể của mình, thì lòng yêu của mình phải đều khắp cả mọi vật"[②] (Trần, 2003, tr. 429). Hành trình khám phá thiên nhiên bằng cái tôi luôn hướng đến sự giao hòa, đồng điệu tâm hồn đã giúp lữ khách có cái nhìn tinh tường: "Kiển ánh thủy văn thiềm ảnh tẩm / Ngư phù hồ diện thận đào xuy" (Bóng trăng ngấm vào dòng, nước gợn ánh màu kén tằm / Sò thổi sóng nổi lên mặt hồ như thuyền chài cá) *Nguyệt dạ để Nhạc Châu dao vọng Động Đình hồ khẩu, nhân ức tâm hữu Đoàn Hải Ông* (Lê, 2019, tr. 80-81). Qua cái nhìn tương chiếu hài hòa với cảnh vật trước mắt, lữ khách nhận ra vẻ đẹp thiên nhiên không nằm ở từng sự trình hiện riêng rẽ của các sự vật mà ở sự kết hợp, gắn kết chặt chẽ thậm chí xuyên thấm vào nhau giữa những đối tượng. Nói cách khác, dưới giác độ quan sát và tư duy thẩm mỹ ở lữ khách, cái đẹp thiên nhiên đến từ sự phối kết hoàn hảo của cảnh vật. Bóng trăng sở hữu vẻ đẹp lung linh, huyền ảo khi đêm về nhưng lữ khách khi chiêm ngưỡng đối tượng không chỉ ngắm nhìn riêng mỗi ánh trăng mà còn đặt cái nhìn trong sự tương chiếu với mặt nước bên dưới tạo nên một kết hợp cảnh độc đáo: "Kiển ánh thủy văn thiềm ảnh tẩm" (Lê, 2019, tr. 80). Cái nhìn tinh tường ở lữ khách được thể hiện qua việc con người nhận ra nói cách khác là cảm nghiệm bằng tâm hồn trước vẻ đẹp xuyên thấm của bóng trăng phả trên mặt nước hồ Động Đình. Sự phối kết cảnh vật không chỉ diễn ra đơn thuần mà đạt đến trạng thái hòa nhập, ngấm vào nhau qua động từ mô tả đặc điểm bóng trăng: "tẩm" (**寖**). Bóng trăng ngấm sâu vào dòng nước khiến vẻ đẹp của trăng sau khi kết hợp càng trở nên lung linh. Sự phối kết giữa trăng và nước không diễn ra một chiều chỉ xuất phát từ trăng mà có sự phản hồi trở lại của nước: "Kiển ánh thủy văn". Mặt nước tiếp nhận bóng trăng sau đó phản chiếu ánh sáng trở lại khiến nó trở nên huyền ảo, lộng lẫy giữa trời đêm. Rõ ràng, mỗi đối tượng sẽ trở nên đẹp, đa sắc và lung linh hơn nếu tất cả biết phối kết lẫn nhau. Hình ảnh "ngư phù hồ diện thận đào xuy" cũng cho thấy rõ điều này. Sự kết hợp hoàn hảo giữa loài sò và con sóng thổi trên mặt nước khiến cả hai trở nên huyền ảo, trông xa chẳng khác gì bóng hình thuyền chài của ngư phủ giăng mắc lung linh trên sông. Ngoài ra, cả bốn đối tượng thiên nhiên xuất hiện trong bài: "thiềm ảnh", "thủy văn", "thận", "đào" đều được đặt trong sự tương chiếu, phối kết lẫn nhau dưới giác độ quan sát của lữ khách. Tự mỗi đối tượng phối kết với nhau hài hòa tạo nên bức tranh đêm lung linh, đa sắc bởi những đường nét dịch chuyển liên tục của cảnh vật. Tâm hồn lữ khách thời khắc ấy hòa nhập sâu vào thiên nhiên, lắng lòng để quan sát từng trạng thái chuyển động của cảnh vật. Lữ khách dường như trở thành một phần bức tâm cảnh trước mắt chứ không còn đơn thuần là khách thể đứng bên ngoài chiêm ngưỡng.

Một hệ quả được hình thành từ cái nhìn phối kết cảnh vật ở lữ khách trong thơ Nguyễn Đề là sự xuất hiện phổ biến các trạng thái quần tụ, chất chồng hoặc bao quanh lẫn nhau của cảnh vật. Thiên nhiên dưới con mắt tinh tường của lữ khách chủ yếu xuất hiện theo kiểu quần tụ tạo nên các không gian kín hoặc chất chồng, phủ bóng lên nhau từ đó hình thành những phối cảnh ngoạn mục: "*Lâm thụ ngưng thanh **phất** lĩnh vân"* (Cây rừng đọng màu xanh, muốn trổ lên đám mây đầu núi) *Quỳnh Lưu hiểu hành* (Nguyễn, 1995, tr. 185); *"Đạm đạm hàn vân **trạo** lĩnh cương"* (Nhàn nhạt mây lạnh bao phủ núi non) *Bạch Mang tịch phiếm* (Nguyễn, 1995, tr. 237-238); *"**Quần** sơn **hoàn củng** diễm xuân dung"* (Các ngọn núi chầu về phô vẻ xuân tươi đẹp) *Hồ giá phiếm long chu vu Viên Minh câu trung* (Lê, 2019, tr. 104); *"Ngạn đầu mạc mạc bạch vân **nùng**"* (Đầu bờ núi lớp lớp mây đùn trắng bạc) *Tam Thủy vãn điếu* (Lê, 2019, tr. 243-244); *"Xán lạn sơn đầu **đái** nhật lai"* (Đỉnh núi đội mặt trời lên sáng rực rỡ) *Giang trình hiểu vọng* (Lê, 2019, tr. 256-257); *"Tha nga đảo dữ **quần** phong **củng**"* (Núi đảo chót vót khắp nơi chầu về) *Giang Tây ký thắng* (Lê, 2019, tr. 302-303)... Có thể thấy, cách thức quan sát, miêu tả thiên nhiên trong trạng thái quần tụ, phủ kín lên nhau phần nào thể hiện khao khát đoàn viên, sum vầy của cái tôi đơn độc khi hòa nhập bản thể vào vũ trụ.

3.2. Nỗi u buồn và cảm giác lạc lõng trước thiên nhiên u tối, mờ mịt của lữ khách

Khi đối diện trước thiên nhiên nơi đất khách, lữ khách trong thơ Nguyễn Đề luôn có động thái đoái trông cảnh vật bị bao phủ bởi sắc độ u tối, mờ nhạt và không rõ đường nét. Từ đó, thiên nhiên khiến tâm hồn người cô lữ trở nên buồn bã, lạc lõng. Có thể nói, quá trình định hình và chế tác cảm xúc, tâm trạng con người không chỉ được dựa trên những yếu tố nội tâm bên trong chủ thể mà còn được hỗ trợ hơn nữa chịu ảnh hưởng, chi phối từ yếu tố khách quan là tự nhiên xung quanh bởi: *"Nhân giả kỳ thiên địa chi đức"* (Người vốn dĩ là cái đức của trời đất) (Trần, 2003, tr. 41). Với thơ văn trung đại Việt Nam, thiên nhiên là yếu tố khách quan có vai trò quan trọng trong quá trình định hình và quy định nên sắc thái cảm xúc của con người: "Mọi hoạt động của con người không tách rời môi trường thiên nhiên. Thiên nhiên là người bạn, là chứng nhân cho bao nỗi vui buồn của con người" (Trần, 2009, tr. 29). Con người trung đại cảm thấy vui sướng, thư thái hoặc say mê, hào hứng khi được kết nối và chiêm ngưỡng vẻ đẹp thiên nhiên trong khoảnh khắc thực tại. Cũng có thể mang nỗi u buồn, cô quạnh khi rơi vào tình cảnh bị mất kết nối với thiên nhiên hay cái đẹp tự nhiên bị lưu mờ, nhạt nhòa. Dù biểu hiện ở trạng thái nào đi nữa thì giữa con người - chủ thể của quá trình định hình cảm xúc và thiên nhiên - khách thể quan trọng của quá trình định hình cảm xúc, vẫn luôn có sự mẫn cảm đặc biệt: "Bộ vân hỗn nhập đồ trung khách / Bối nguyệt dao khai cảnh lý tra" (Khách dạo bước trong mây khói như đi vào trong tranh vẽ / Thuyền sứ như mang cả trăng sáng vào trong cảnh đẹp) *Hán Khẩu vãn độ* (Lê, 2019, tr. 84-85). Điều này lại càng trở nên có ý nghĩa với những kẻ đang mang trên mình thân phận lữ khách. Bởi họ thường xuyên phải tiếp xúc, tương tác với thiên nhiên ở khắp nơi đi qua. Việc tiếp xúc thường xuyên, liên tục với thiên nhiên tại những vùng đất khác nhau nơi quê người giúp khả năng mẫn cảm của lữ khách trước thiên nhiên trở nên nhạy bén hơn. Dù lữ khách thiết lập kết nối với thiên nhiên xung quanh bằng hình thức chủ động tức tìm về thiên nhiên một cách có chủ đích, có định hình rõ ý thức quan sát thiên nhiên từ trước hay thụ động tức tìm về thiên nhiên một cách tình cờ, vô tình bắt gặp đối tượng trong khoảnh khắc bất chợt ở thực tại thì sự mẫn cảm của tâm hồn trước vũ trụ vẫn giữ vai trò quan trọng và chi phối khả năng cảm nhận các tín hiệu thẩm mỹ từ thiên nhiên ở con người. Nói cách khác, sự mẫn cảm của tâm hồn trước thiên nhiên ở lữ khách được xem là "cửa ngõ" dẫn lối con người bước vào hành trình kết giao với tự nhiên, vũ trụ. Khi tâm hồn lữ khách tiếp xúc với thiên nhiên mang sắc độ mờ nhạt, u tối, hỗn độn và không có khả năng kết nối với cảm xúc con người, sự mẫn cảm tâm linh có vai trò như một rào chắn thẩm mỹ ngăn cản quá trình kết giao ấy. Từ đó khiến lữ khách lại trở về trạng thái buồn bã, chán chường vì không được thỏa mãn nhu cầu chiêm ngưỡng vẻ đẹp thiên nhiên. Lữ khách khi ấy như bị mất kết nối hay đứt gãy kết nối với thiên nhiên: "Sơn dung vân sắc thương mang ngoại / Thủy ảnh hà quang hỗn độn trung" (Dáng núi, màu mây xa mờ mịt / Bóng nước ráng chiều hòa vào hỗn độn) *Tầm Giang thuận phàm* (Lê, 2019, tr. 158-159).

Mặt khác, nguyên lí hình thành các cảm xúc tích cực như vui sướng, hứng khởi của lữ khách trong thơ khi đứng trước thiên nhiên là sự "ăn khớp" và phối hợp hài hào giữa vẻ đẹp thiên nhiên khi trình hiện (cái đẹp của khách thể) với nhu cầu, mong mỏi được chiêm ngưỡng vẻ đẹp thiên nhiên của con người (cái mỹ của chủ thể): "...tự nhiên còn có cái đẹp khách quan của riêng mình [...] định hình một ý thức thưởng thức cái đẹp của thiên nhiên trong nhu cầu thẩm mỹ, nhu cầu nhận thức của con người" (Trần, 2007, tr. 6). Khi cái mỹ của lữ khách tức niềm mong mỏi được chiêm ngưỡng vẻ đẹp thiên nhiên không được đáp ứng bởi cái đẹp của thiên nhiên hay cái đẹp thiên nhiên lúc này bị kìm hãm bởi tạo hóa được biểu hiện qua trạng thái mờ mịt, xám ngắt, xác xơ của cảnh vật thì con người sẽ nảy sinh các cảm xúc buồn chán, u sầu, thất vọng. Khi nhu cầu thưởng thức thẩm mỹ của lữ khách bị khước từ, ngăn chặn thậm chí bị cắt đứt trước sự ức chế cái đẹp thiên nhiên của tạo hóa thì con người trở nên lạc lõng, cô độc. Trên hành trình tha hương, lữ khách từng bị khước từ, mất kết nối giao tiếp với mọi người xa lạ xung quanh chỉ còn thiên nhiên là đối tượng để thổ lộ và giải bày cõi lòng: "Quốc

du mỗi hận phong quang thiểu / Đáo thử trùng hân đại đạo khai" (Lúc đi thường sợ vì thiếu phong cảnh đẹp / Đến đây thì vui mừng khi đường lớn mở rộng ra) *Quá quan hỉ phú* (Lê, 2019, tr. 47-48). Vì vậy, khi thiên nhiên khước từ giao cảm, lữ khách chẳng khác chi kẻ cô độc, chơi vơi trong khoảnh khắc thực tại. Càng cố phá vỡ các rào cản vô hình ngăn chặn nỗ lực kết nối giữa bản thân với thiên nhiên, lữ khách chỉ càng nhận lại trạng thái mờ mịt, u tối của cảnh vật. Nguyễn Đề đã thể hiện rõ điều này trong thơ: "Tiêu sách yếm khan thu thế giới / Thương mang sầu đối tịch giang tiên" (Tiêu điều, nhìn chán cảnh mùa thu / Mênh mông, buồn ngắm trời sông tối) *Thái Bình phủ thành tịch trú* (Nguyễn, 1995, tr. 215-216).

Theo thói quen thường lệ, nhân khi trú đêm tại phủ Thái Bình thuộc vùng Quảng Tây, lữ khách lại tìm về thiên nhiên với mong mỏi được giao cảm và chiêm ngưỡng vẻ đẹp. Nhưng trái với mong mỏi ban đầu của lữ khách, con người chỉ nhận về nỗi chán chường, thất vọng khi tâm hồn không thể hòa nhập vào cảnh. Lữ khách rơi vào tình trạng mất kết nối và trở nên cô độc khi cố tìm cách kết giao với thiên nhiên. Cảnh vật bên ngoài chỉ hiện hữu sắc độ u tối, ảm đạm và hoàn toàn không thể nhận diện được bất kỳ đường nét nào. Tất cả đều bị bao phủ, che đậy bởi sắc đen của màn đêm vô tận. Các sự vật tự nhiên hiện lên trước mắt lữ khách trong trạng thái nhạt nhòa và mất đi vẻ đẹp tươi tắn, lung linh trước đó: *"Thương mang sầu đối tịch giang tiên"* (Nguyễn, 1995, tr. 215-216). Sắc độ u tối của cảnh không chỉ hiện hữu ở một vài đối tượng tự nhiên riêng lẻ mà có xu hướng lan rộng, bao kín tất cả. Đêm u tịch dường như muốn hủy đi và ngăn chặn đến cùng nỗ lực kết giao với thiên nhiên của lữ khách bằng việc trình hiện trước mắt con người những cảnh xám đen, đơn điệu. Không chỉ bao phủ mọi vật bởi sắc độ u tối, tạo hóa còn hủy đi vẻ đẹp vốn có của cảnh khiến thiên nhiên trước mắt lữ khách chỉ còn là những đối tượng xác xơ, tiêu điều và không có bất kỳ tín hiệu sức sống nào: *"Tiêu sách yếm khan thu thế giới"* (Nguyễn, 1995, tr. 215-216). Sự cộng hưởng giữa sắc độ đen ngòm của màn đêm và trạng thái tiêu điều của cảnh thu vô hình trung đã tạo ra rào cản ngăn cách tâm hồn lữ khách đến gần hơn với thiên nhiên khiến con người mang nỗi chán ngán khi ngắm nhìn cảnh vật. Như trên đã nói, cảm xúc chán ngán của lữ khách được hình thành chủ yếu ở sự bất hòa hợp giữa cái đẹp thiên nhiên và cái mỹ của con người. Trong bài thơ, cái mỹ của con người được thể hiện qua mong mỏi được ngắm nhìn, chiêm ngưỡng vẻ đẹp thiên nhiên khi đêm xuống. Nhưng nó ngay lập tức bị chặn lại và kìm hãm bởi sự khước từ cái đẹp khách quan của cảnh. Thiên nhiên hiện hữu trước mắt lữ khách sắc độ u tối, tiêu điều vậy nên không thỏa được nhu cầu thưởng thức cái đẹp của con người. Ngoài ra, nếu tinh ý, người đọc có thể nhận thấy lữ khách trong bài phải trải qua liên tiếp nhiều sự khước từ nhu cầu kết giao với thiên nhiên. Lữ khách tìm đến thiên nhiên và ngắm nhìn cảnh thu nhưng điều mà con người nhận lại chỉ là vẻ tiêu điều, tàn lụi của cảnh. Chưa từ bỏ mong mỏi, kẻ tha hương lại tiếp tục mở rộng tầm nhìn để quan sát vẻ đẹp của trời đất, sông nước. Nhưng một lần nữa, con người lại tiếp tục bị tự nhiên khước từ khi chỉ nhận về bóng tối dày đặc. Nỗi chán ngán khi quan sát thiên nhiên nhạt nhòa, đìu hiu cộng hưởng với tâm trạng cô quạnh, sầu muộn thường trực trong cõi lòng kẻ cô lữ khiến con người thêm buồn bã, lạc lõng.

Như trên đã nói, sự trình hiện của thiên nhiên trước tầm mắt quan sát ở lữ khách không phải bất kỳ khoảnh khắc nào cũng lung linh, rực rỡ hay đảm nhận tốt vai trò là đối tượng giúp con người chiêm ngưỡng vẻ đẹp từ đó vơi đi phần nào những muộn phiền trong tâm hồn kẻ tha hương. Trong nhiều hoàn cảnh, thiên nhiên "khước từ" một cách tàn nhẫn bằng những tín hiệu u tối, mờ mịt của cảnh vật trước nỗ lực kết giao từ lữ khách. Tính chất lí tưởng của môi trường tự nhiên trong việc hỗ trợ làm thư thái tâm hồn và thỏa mãn nhu cầu thưởng thức thẩm mỹ ở lữ khách khi ấy bị phá vỡ. Sự mất kết nối với môi trường giao tiếp sau cùng của lữ khách trên hành trình phiêu bạt là thiên nhiên khiến con người trở nên thất vọng, u sầu hơn nữa là cảm giác lạc lõng như kẻ bị bỏ rơi giữa vũ trụ mênh mông: "Hiểu mộ duyên thê khách lộ dao / Lữ tình đông cảnh cộng tiêu tao" (Sớm đi, tối nghỉ, đường trường dằng dặc / Tình khách cảnh đông đều cùng thê lương) *Mã Lan sơn dạ vũ* (Nguyễn, 1995, tr. 67-68). Thiên nhiên thời khắc

ấy chẳng khác gì kẻ lạnh lùng, thờ ơ trước mọi tín hiệu kết giao từ lữ khách. Càng lúc nó càng trở nên mờ mịt và đẩy cảm xúc con người trở về trạng thái u buồn, thất vọng. Bóng đêm dường như muốn lấy đi mọi đường nét, sắc độ và đưa cảnh vật chìm sâu vào u tịch, tăm tối: "Ảm đạm thâm vân tỏa Lạng thành / Diêm hải bi hoan chân diệc ảo" (Mây dày ảm đạm phủ kín thành Lạng Sơn / Nỗi buồn vui nơi địa ngục, thật mà như ảo) *Tịch thứ Chi Ngãi dịch vãn Lạng Sơn hiệp trấn Tô Xuyên hầu* (Nguyễn, 1995, tr. 41). Cảnh thiên nhiên trước nhà trạm Chi Ngãi của đoàn sứ bộ nước Việt nơi núi rừng Lạng Sơn bị bao phủ bởi sắc đen của màn đêm u tịch. Mọi vật trước mắt lữ khách đều trở về trạng thái mất màu, nhạt nhòa và giới hạn tầm quan sát của con người ngay cả khi lữ khách có ý thức mở rộng góc nhìn. Phần lớn các đặc điểm của thiên nhiên trong bài đều hiện hữu trong trạng thái mờ mịt, đơn điệu và hoàn toàn không cho thấy rõ bất kỳ đường nét nào của cảnh vật. Các sắc độ, đặc điểm trạng thái của mây trời đều khiến tâm trạng lữ khách trở nên hụt hẫng, thất vọng khi quan sát: "Ảm đạm thâm vân tỏa Lạng thành" (Nguyễn, 1995, tr. 41). Về sắc độ của đối tượng, không khó để người đọc nhận thấy áng mây bị phủ kín hoàn toàn bởi sắc đen u tối, mờ mịt. Nó dường như mất đi hoàn toàn vẻ đẹp trong trẻo, mềm mại vốn có trước đó thay vào đó là sự đơn điệu, không thể quan sát rõ các đường nét. Bên cạnh đó, sắc độ u tối, mờ mịt của áng mây càng về khuya lại càng được gia tăng. Trước mắt lữ khách, áng mây thành Lạng chỉ còn là thực thể đơn điệu, ảm đạm và không có bất kỳ tín hiệu thẩm mỹ nào giúp kết nối với tâm hồn người quan sát. Giữa màn đêm tịch liêu, vẻ đẹp của áng mây bị khắc chế và chìm vào sắc đen u tối từ đó mang đến cho lữ khách cảm giác buồn bã, lạc lõng. Không chỉ ở sắc độ, kích cỡ của thiên nhiên trong bài cũng được xem là dấu hiệu cho thấy sự "khước từ" kết giao của tự nhiên đối với tâm hồn lữ khách. Áng mây dày đặc những mảng màu xám đen, u tối khiến tầm quan sát của lữ khách bị hạn chế và thu hẹp đáng kể. Lữ khách không thể tập trung nhìn kỹ và sâu vào đối tượng để tìm kiếm vẻ đẹp tự nhiên. Trước mắt người viễn khách giờ đây chỉ là tầng tầng lớp lớp mây đen phủ kín dày đặc. Kích cỡ dày đặc của áng mây xám đen vô hình trung lại trở thành tường chắn kiên cố, ngăn cản cái nhìn lữ khách trong việc tìm kiếm, khám phá vẻ đẹp từ khách thể tự nhiên. Ngoài ra, trạng thái dày đặc của mây đen nơi biên thùy cũng khiến bản thân đối tượng này mất đi hoàn toàn vẻ đẹp mềm mại vốn có. Từ đó, chủ thể quan sát luôn có cảm giác rợn ngợp, hụt hẫng khi khó tiếp cận với sự vật được lựa chọn quan sát. Trạng thái hiện hữu của thiên nhiên trong thơ cũng cho thấy dấu hiệu một sự "khước từ" kết nối giao cảm với con người. Áng mây đen kịt, ảm đạm hiện hữu trong trạng thái dày đặc đến mức phủ kín cả thành Lạng Sơn. Sự u tối của thiên nhiên lan rộng khắp nơi và phủ kín vạn vật xung quanh khiến mọi nỗ lực mở rộng tầm mắt quan sát của lữ khách nhằm tìm kiếm vẻ đẹp khách thể đều trở nên vô hiệu. Lữ khách rơi vào tình trạng bị đứt gãy các kết nối với thiên nhiên xung quanh từ đó khiến con người tăng thêm nỗi chán ngán, thất vọng: "Diêm hải bi hoan chân diệc ảo" (Nguyễn, 1995, tr. 41). Nỗi thất vọng đến từ sự đứt gãy kết nối với thiên nhiên ở hiện tại nhanh chóng kết hợp với niềm sầu tủi, cô quạnh thường trực trong nội tâm lữ khách khiến con người trở nên lẻ loi, lạc lõng giữa vũ trụ: "Tiết tiết vi khu độc sách quần" (Tấm thân hèn mọn lại thêm nhìn cảnh lẻ loi) *Vĩnh Linh đạo trung* (Nguyễn, 1995, tr. 170).

Nhiều lần người đọc bắt gặp trong thơ ông tâm trạng chán ngán, thất vọng, u sầu của lữ khách khi đối diện trước cảnh đìu hiu, xác xơ của thiên nhiên. Đó là cảnh trời chiều đìu hiu, âm u với tiếng kêu não lòng, khắc khoải của chim quạ giữa tiết đông giá rét vọng lại từ nơi núi vắng. Tiếng kêu của chim quạ khiến lòng kẻ tha hương thêm day dứt: "Đối cảnh bồi hồi thiên hướng mộ / Hàn nha tháo cấp vạn sơn u" (Ngắm cảnh bồi hồi, trời đã xế chiều / Quạ rét khắc khoải kêu trong dãy núi vắng) *Đoàn Thành tức cảnh* (Nguyễn, 1995, tr. 44). Đó là cảnh vách đá dựng đứng, cheo leo và um tùm cảnh vật giữa màn mây đen kịt như mực phủ kín vạn vật. Dưới cơn mưa dầm dề, thiên nhiên phương Bắc càng trở nên tiêu điều và không rõ đường nét: "Huyền nhai thông uất vân trầm mặc / Tế vũ lâm li thạch chú cao" (Vách đứng um tùm, mây chìm trong mực / Mưa phùn dầm dề, đá trơn như đổ mỡ) *Mã Lan sơn dạ vũ* (Nguyễn, 1995,

tr. 67-68) / "Âm mê cô lĩnh vân như mặc" (Tối mờ cả ngọn núi côi, mây đen như mực) *Tín Dương tảo hành* (Lê, 2019, tr. 86-87) / "Vân hợp hàn lam thất viễn xuyên" (Mây cùng khí lạnh mù mịt dòng sông xa) *Đức Giang dạ phiếm* (Lê, 2019, tr. 239-240)... Đôi khi, đó còn là sự gia tăng liên tiếp các sắc độ u tối, lạnh lẽo của thiên nhiên. Mây đen đột ngột kéo đến dày đặc che kín tầm quan sát bầu trời của lữ khách khiến cái nhìn chiêm ngưỡng vẻ đẹp tự nhiên cũng bị chặn đứng, vô hiệu. Ánh trăng khi ấy cũng không đủ nguồn sáng để xua tan bóng đen. Trăng chỉ hiện hữu trong trạng thái lờ mờ với vài tia sáng yếu ớt khiến cảnh vật càng thêm mờ mịt, nhạt nhòa: "Thiên tâm nhất bích vân thâm tráo / Hải giác sơ hồng nguyệt vị minh" (Giữa bầu trời xanh biếc, đám mây che kín / Góc biển tỏa hồng nhạt, trăng chưa tỏa sáng) *Lâm Hồ mộ hành* (Lê, 2019, tr. 118-119). Tất cả đều hiện hữu trong trạng thái mờ mịt dẫu có chút ánh sáng yếu ớt từ ánh trăng cũng không thể xóa đi hay giảm bớt không gian tĩnh mịch, tịch liêu của cảnh vật. Lòng người cô lữ lại càng thêm se thắt, lạnh lẽo bởi tâm hồn giờ đây không thể tìm được sự đồng điệu, giao cảm với thiên nhiên xung quanh.

3.3. Động thái từ bỏ nhu cầu thưởng thức thẩm mỹ trước thiên nhiên của lữ khách

Bên cạnh tâm trạng u buồn, lạc lõng, hình tượng lữ khách trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề còn có động thái khóa kín tâm hồn, tự từ bỏ nhu cầu thưởng thức thẩm mỹ khi đối diện với thiên nhiên u tịch. Trước những lần thất bại khi cố gắng kết giao với thiên nhiên, trước những tín hiệu mờ nhạt, mất nét mà thiên nhiên phản hồi lại con người, lữ khách trở nên thất vọng và dần tự khép lại tâm hồn cũng như từ bỏ mong ước chiêm ngưỡng cái đẹp vũ trụ. Trên hành trình rời xa quê hương, gắn đời mình theo kiếp sống phiêu bạt, tâm hồn lữ khách luôn tồn tại những khoảng trống của sự cô độc, buồn tủi: "Bán thế lưu ly sầu nhập cốt" (Nửa đời lưu lạc buồn thấu tận xương) *Ngẫu ngâm I* (Nguyễn, 1995, tr. 142). Vì vậy, lữ khách thường tìm đến thiên nhiên để khỏa lấp cảm giác trống trải, cô độc của bản thân bởi trong thế giới trước mắt, những mối quan hệ giao tiếp tình thâm giữa người với người đều bị gián đoạn hoặc chia cách vạn dặm: "Lữ thứ chinh sầu hoan hội thiểu / Hương tâm quán cố biệt ly khinh" (Nơi quán trọ rất buồn vì ít khi hội họp vui vẻ / Tình quê hương nào dám xem nhẹ nỗi biệt ly) *Tiễn ninh thân Nguyễn huấn đạo Bắc hoàn* (Nguyễn, 1995, tr. 137) / "Phóng nhãn bất tri nan tự khiển / Nhật Nam, Thần Bắc lưỡng du du" (Phóng tầm mắt trông mà sầu khôn nguôi / Trời Nam, cõi Bắc hai nẻo thật xa vời) *Tàn đông lữ thứ* (Lê, 2019, tr. 76-77). Hơn nữa, việc thường xuyên tìm đến thiên nhiên cũng là cách giúp lữ khách tưởng nhớ về bóng hình cố hương từ đó kết nối tâm với quê nhà vạn dặm. Trong ý thức kẻ tha hương, thiên nhiên không hẳn chỉ là đối tượng để con người dừng lại chiêm ngưỡng, say mê nhất thời để sau đó lại lãng quên nhanh chóng. Thiên nhiên có vai trò như con đường "cứu rỗi" tâm hồn lữ khách và chữa lành những thương tổn đồng thời bù lấp các khoảng trống tâm hồn ở hiện tại: "Nhàn ỷ bồng song ngâm nhãn khoát / Ly sầu lữ muộn nhất tề tiêu" (Rảnh rỗi dựa bên cửa thuyền, nhìn cảnh xa ngâm ngợi / Sầu ly biệt, buồn xa quê, thảy đều nguôi khuây) *Định Lục thu phiếm* (Lê, 2019, tr. 182-183).

Thế nhưng, khi các kết nối với thiên nhiên càng lúc càng trở nên mờ nhạt, lỏng lẻo và xuất hiện nhiều sự đứt gãy hơn nữa lại trở nên vô hiệu, lữ khách chỉ còn biết tự khóa kín cõi lòng, từ bỏ nhu cầu thưởng thức cái đẹp và trở về với cái tôi cô độc, u sầu: "Thu hoa bất giải nhân sầu tứ" (Hoa thu không hiểu được nỗi sầu của khách) *Hoành Sơn* (Nguyễn, 1995, tr. 175-176). Càng cố mở rộng tầm quan sát để khám phá trọn vẻ đẹp thiên nhiên, lữ khách lại càng nhận về những tín hiệu mờ mịt khiến bản thân thất vọng: *"*Tam diệp ngô phi báo nhụ thu / Càn khôn cảnh sắc chuyển thanh u / Sâm si dã ngoại lô hoa khứ / Thác lạc không trung nhạn trận thu" (Ba lá ngô đồng bay báo mùa thu đến / Cảnh sắc trời đất chuyển thành thanh u / Nhấp nhô ngoài đồng hoa lau bay bay / Tán loạn trên không bầy nhạn lao xao) *Thu* (Nguyễn, 1995, tr. 117). Trên hành trình đi sứ phương Bắc, lữ khách phải trải qua nhiều kiểu thời tiết, khí hậu khác nhau theo từng mùa trong năm. Khi nhận ra tiết trời bắt đầu chuyển mình vào thu, lữ khách ngỡ như có thể tìm thấy cơ hội được chiêm ngưỡng vẻ đẹp dịu dàng, mơ màng của sắc thu phủ lên cảnh vật nhưng những gì thiên nhiên hiện hữu trước mắt đều khiến con người trở

nên thất vọng, xót xa. Thiên nhiên chuyển mình vào thu bằng những tín hiệu đơn điệu, nhạt nhòa. Dường như cảnh vật đều ở vào trạng thái mất màu, u tối: "Tam diệp ngô phi báo nhụ thu" (Nguyễn, 1995, tr. 117). Lá ngô đồng hiện lên giữa cảnh thu mênh mang, u buồn không chút sắc màu, nhợt nhạt. Chuyển động của lá khi rơi cũng đơn điệu, tẻ nhạt. Cảnh thu mở ra trước mắt lữ khách một sắc màu u tịch, buồn bã: "Càn khôn cảnh sắc chuyển thanh u" (Nguyễn, 1995, tr. 117). Có thể thấy, khi nhận ra những tín hiệu chuyển mùa đầu tiên của thiên nhiên vào thu, lữ khách đã chờ đợi để được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của cảnh vật. Nhưng đáp lại niềm mong mỏi ấy của con người, cảnh thu chỉ là bức tranh nhợt nhạt được phác họa bằng vài đường nét đơn điệu với những chuyển động thô cứng. Lữ khách như lờ mờ nhận ra một sự "khước từ" của thiên nhiên trước mong ước kết giao tâm hồn của con người qua những gam màu u tối, sắc độ lạnh nhạt từ cảnh vật. Dù đã đoán định được điều này nhưng lữ khách vẫn cố mở rộng tầm quan sát, nỗ lực tìm kiếm chút vẻ đẹp sau cùng của thiên nhiên giữa những gam màu u tối, đìu hiu ở cảnh thu để khỏa lấp phần nào mong ước chiêm ngưỡng cái đẹp tự nhiên trong tâm hồn. Nhưng sau cùng, lữ khách ý thức được càng cố kết nối, cố đi sâu vào tìm kiếm vẻ đẹp khách thể, con người chỉ càng nhận về những cái nhạt màu và cả sự hờ hững của thiên nhiên xung quanh: "Sâm si dã ngoại lô hoa khứ" (Nguyễn, 1995, tr. 117). Hoa lau bay ngoài đồng nội trở nên nhạt nhòa, không chút sắc màu giữa tiết thu. Mặc dù đối tượng có tạo ra chuyển động nhưng đó chỉ là những chuyển động cứng nhắc, đơn điệu của cảnh vật. Nếu tinh ý quan sát và kết nối với hình ảnh lá ngô đồng rơi báo hiệu thu về ở câu thơ đầu, người đọc hoàn toàn có thể nhận ra cả lá ngô đồng và hoa lau ngoài đồng nội đều chuyển động trong trạng thái đơn điệu. Thêm vào đó, các đối tượng nhiên nhiên trong bài đều không chuyển tải bất kỳ tín hiệu màu sắc nào. Các sắc màu của cảnh vật đều bị tạo hóa tước bỏ thay vào đó là trạng thái nhợt nhạt, u tối. Cảnh vật vào thu chìm trong vẻ đìu hiu, vắng lặng hơn nữa còn trở nên hỗn loạn và mất đi sự kết nối lẫn nhau: "Thác lạc không trung nhạn trận thu" (Nguyễn, 1995, tr. 117). Sự chuyển động của bầy nhạn trên tầng không khiến cảnh thu vốn xơ xác, buồn bã lại càng thêm hỗn loạn, tiêu điều. Mặt khác, giữa ba sự vật tự nhiên xuất hiện trên bức tranh thu trong bài, cụ thể: *diệp ngô*, *lô hoa* và *nhạn* vốn không tồn tại bất kỳ sự gắn kết chặt chẽ nào. Mỗi sự vật đều dịch chuyển một cách độc lập, riêng lẻ dù cùng hiện hữu trên cùng khung nền thiên nhiên, dưới cùng tầm mắt quan sát của lữ khách. Vẻ đẹp của sự liên kết cảnh vật, trạng thái tương phản hoặc hỗ trợ nhau khi trình hiện trước đó *Đề Tương Sơn tự* (Lê, 2019, tr. 128-129) đều tiêu biến thay vào đó là những chuyển động rời rạc của mỗi đối tượng. Tất cả cảnh tượng diễn ra trước mắt lữ khách đều khiến con người trở nên chán ngán, không còn hứng thú để tiếp tục duy trì nỗ lực kết giao với thiên nhiên: "Tịch mịch tự vô thừa nguyệt hứng" (Tịch mịch khiến mình không hứng thưởng trăng) *Thu* (Nguyễn, 1995, tr. 117). Rõ ràng, càng cố thực hiện các kết giao với thiên nhiên, lữ khách chỉ càng nhận lại sự "khước từ" hoặc những tín hiệu u tối khiến con người thêm chán ngán. Cảnh vật không những không thể nâng đỡ, xoa dịu tâm hồn lữ khách mà ngược lại còn khiến con người trở nên u buồn đến mức phải xót xa dừng lại hứng thú thưởng ngoạn, khép lại nhu cầu thưởng thức thẩm mỹ trước thiên nhiên.

Trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề, cảnh sắc mùa thu phần lớn là môi trường khiến lữ khách cảm thấy buồn chán, u sầu. Điều này chủ yếu đến từ vẻ tịch mịch, xơ xác mà thiên nhiên mùa thu mang lại. Giữa tâm hồn đầy khao khát được giao cảm với thiên nhiên với cảnh thu ngoài thực tế luôn tồn tại những cách ngăn vô hình khiến cả hai lắm lúc không thể hòa điệu: "Bản thân thu có những nét giống con người, con người cũng có những cảm hứng từ phía thu nhưng cả hai luôn đứng độc lập, không giẫm chân lên nhau, không hòa làm một" (Lê, 2000, tr. 218). Cảnh thu vắng lặng, đìu hiu thậm chí đôi lúc còn trở nên xác xơ, ảm đạm khi lữ khách quan sát: "Kinh niên bất lý Thanh Hoa địa / Trù trướng kim thu dị tích xuân" (Trải mấy năm không tới đất Thanh Hoa / Ngao ngán thấy thu này khác hẳn xuân xưa) *Thanh Hoa đạo trung* (Nguyễn, 1995, tr. 189-190) / "Thiều thiều lữ trình viễn / Tịch mịch thu dạ trường" (Dằng dặc

con đường khách xa / Tịch mịch trong đêm thu dài) *Túc Hoành sơn* (Nguyễn, 1995, tr. 123-124) / "Lao lục khả liên trường tác khách / Tiệt điều bất giác hựu phùng thu" (Thương thay tấm thân làm khách gian lao mãi / Không ngờ lại còn gặp mùa thu tiêu điều này) *Quá lãnh thủy tuyền* (Nguyễn, 1995, tr. 187) / "Khách trình thu dạ công tiêu tao" (Đường khách, đêm thu đều cảnh tiêu điều) *Tiễn Đạo hiểu phát* (Nguyễn, 1995, tr. 220). Sắc thu qua cái nhìn của lữ khách từ hình ảnh mang vẻ đẹp lãng mạn, nhẹ nhàng trong tâm tưởng trở thành nỗi ám ảnh tiêu điều và hiện hữu thường xuyên ở hiện tại. Lòng người tha hương vốn đã ngao ngán, buồn bã giờ lại phải đối diện cảnh thu tiêu điều, xơ xác, đặc biệt không thể kết nối bất kỳ tín hiệu nào với tâm hồn kẻ cô lữ, chỉ càng khiến lữ khách thêm sầu muộn, trống trải.

4. Kết luận

Thiên nhiên trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề giữ vai trò quan trọng đối với quá trình định hình và điều tiết cảm xúc, tâm trạng lữ khách. Như một quán tính tâm lí truyền thống, khi lữ khách bị đứt gãy hay tách khỏi các mối quan hệ với tha nhân trên chặng đường lữ thứ, con người lại tìm đến thiên nhiên với mong mỏi được kết giao tri âm. Song, không phải trong mọi hoàn cảnh thực tại, thiên nhiên đều đảm trách vai trò khơi hứng cũng như chữa lành thương tổn tâm lí cho lữ khách. Ở thơ Nguyễn Đề, thiên nhiên nhiều lúc hiện hữu trong trạng thái mờ nhạt, u tối, tiêu điều. Vì vậy, đặt đối tượng lữ khách trong mối quan hệ với thiên nhiên, người đọc có thể nhận thấy rõ ba đặc điểm tâm lý cơ bản. Thứ nhất, đó là niềm say mê và phấn khởi của lữ khách khi được chiêm ngưỡng cũng như hòa nhập bản tâm trước thiên nhiên tươi đẹp, lãng mạn. Khi quan sát thiên nhiên trong trạng thái này, lữ khách luôn mở rộng điểm nhìn của bản thân đồng thời không bỏ qua bất kỳ một tín hiệu trình hiện nào của tự nhiên. Trong mối tương giao giữa tầm nhìn của kẻ tha hương với thiên nhiên, cảnh vật được xếp đặt một cách trật tự và luôn hiện hữu trong trạng thái gắn kết chặt chẽ. Thứ hai, đó là nỗi u buồn và cảm giác chán ngán, lạc lõng của lữ khách khi mọi tín hiệu kết giao với thiên nhiên bị làm mờ và ngăn chặn bởi nhiều cách thức khác nhau. Càng cố mở rộng tầm mắt để quan sát, cố giải mã các tín hiệu mờ nhạt từ thiên nhiên trong khoảnh khắc thực tại, lữ khách chỉ càng nhận về sự thất vọng. Con người khi ấy trở nên lạc lõng, cô độc hoàn toàn giữa vũ trụ mênh mông. Thứ ba, đó là động thái tự từ bỏ, khép lại nhu cầu thưởng thức thẩm mỹ cũng như kết thúc niềm mong mỏi được chiêm ngưỡng cái đẹp từ thiên nhiên. Mọi nỗ lực kết giao giữa lữ khách với thiên nhiên đều không thể giúp con người thoát khỏi tình cảnh cô quạnh, sầu muộn ở thực tại. Có thể thấy, việc tiếp cận hình tượng lữ khách trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề qua con đường giải mã mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên là hướng đi cần thiết. Hướng tiếp cận này góp phần làm rõ thế giới nội tâm sâu kín của tác giả trên chặng đường tha hương đồng thời thấy được tài năng nghệ thuật của Nguyễn Đề trong việc khắc họa tâm trạng, nhu cầu chiêm ngưỡng cái đẹp ở con người đặt trong mối tương quan với ngoại cảnh thiên nhiên.

Ghi chú:

① ***Đêm*** là cổ mẫu xa xưa trong thần thoại cổ đại đặc biệt là *Thần thoại Hy Lạp* và xuất hiện thường xuyên ở nhiều thể loại của văn học trung đại phương Đông. ***Đêm*** là biểu tượng mang ý niệm kéo dài, sự mênh mông, rộng lớn khôn cùng. Theo nhóm tác giả Jean Chevalier và Alain Gheerbrant trong công trình *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới (Huyền thoại, chiêm mộng, phong tục, cử chỉ, dạng thể, các hình, màu sắc, con sắc)* (1997), ***đêm*** "hay bị kéo dài thêm theo ý các thần, họ bắt mặt trời và mặt trăng dừng lại để thực hiện tốt hơn các kỳ tích của mình" (Jean & Alain, 1997, tr.297).

② Nhận định này được nhà Nho học Trần Trọng Kim diễn giải dựa trên quan niệm về **Nhân** trong học thuyết Nho gia của Trình Hạo 程顥 (tự: Bá Thuần 伯淳, 1032 - 1085), người đất Hà Nam (Trung Hoa). Trình Hạo được người đương thời suy tôn là bậc đại danh nho lỗi lạc đời Bắc Tống (Minh Đạo tiên sinh 明道先生), kế thừa tư tưởng Nho học uyên áo của

Khổng Tử (xin xem thêm bài ***Đề Nhị Trình thư viện*** - Nguyễn Đề). Thơ chữ Hán Nguyễn Đề nằm trong dòng chảy văn học thời Tây Sơn. Đây là thời kỳ Đại Việt chịu ảnh hưởng sâu đậm, lấy Tống Nho làm độc tôn đồng thời là kim chỉ nam về tư tưởng.

Tài liệu tham khảo

Jean, C., & Alain, G. (1997). *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới (Huyền thoại, chiêm mộng, phong tục, cử chỉ, dạng thể, các hình, màu sắc, con số)*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Đà Nẵng & Trường Viết văn Nguyễn Du.

Lê, Q. T. (Chủ biên). (2019). *Thơ Nguyễn Đề tuyển*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Văn học.

Lê, T. Y. (Chủ biên). (2000). *Văn học Việt Nam - Văn học trung đại (Những công trình nghiên cứu)*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Giáo dục.

Mai, T. C. G. (2012). *Đất nước và con người Trung Quốc qua thơ chữ Hán Nguyễn Đề*. Luận văn, Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam.

Mai, T. T. (2013). *Đặc điểm nội dung và nghệ thuật thơ chữ Hán Nguyễn Đề*. Luận văn, Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam.

Nguyễn, H. R. (2022). Hình ảnh quan ải trong thơ chữ Hán Nguyễn Đề và Nguyễn Du. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 20*(10), 1789-1801. https://doi.org/10.54607/hcmue.js.19.1.3289(2022).

Nguyễn, T. P. (Chủ biên). (1995). *Tuyển tập thơ chữ Hán Nguyễn Đề*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.

Phạm, Q. A. (2017). Hoan Nam sứ giả Nguyễn Đề xướng họa cùng sứ thần Triều Tiên. *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển, 6*(140), 67-82. Truy cập từ https://vjol.info.vn/index.php/ncpt-hue/article/view/32664.

Phạm, T. T. H. (2023). Tính chất "du kí" trong thơ đi sứ Nguyễn Đề. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 19*(1), 73-85. https://doi.org/10.54607/hcmue.js.20.10.3762(2023).

Trần, N. T. (2009). *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Giáo dục Việt Nam.

Trần, T. H. (2007). *Thơ sơn thủy cổ trung đại Trung Quốc*. Hà Nam: NXB Giáo dục.

Trần, T. K. (2003). *Nho giáo*. Hà Nội: NXB Văn học.